

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 1980

PHÁP LỆNH

Sửa đổi và bổ sung một số điểm về thuế công thương nghiệp và thuế sát sinh

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 41 và Điều 53 của Hiến pháp năm 1959;

Sau khi xét đề nghị của Hội đồng Chính phủ về việc sửa đổi và bổ sung một số điểm về thuế công thương nghiệp và thuế sát sinh cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới;

Sau khi nghe ý kiến của Ủy ban kế hoạch và ngân sách và Ủy ban dự án pháp luật của Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Sửa lại suất miễn thu quy định ở các Điều 14, 23, 26 của Điều lệ thuế công thương nghiệp đối với các hợp tác xã, tổ chức hợp tác và hộ riêng lẻ kinh doanh công thương nghiệp, ban hành theo Nghị quyết số 200 NQ/TVQH ngày 18 tháng 1 năm 1966 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, như sau:

- Suất miễn thu đối với các ngành sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, vận tải, xây dựng và kinh doanh nông nghiệp không thuộc diện nộp thuế nông nghiệp, tương đương với mức bình quân lương chính của công nhân xí nghiệp quốc doanh cùng ngành ở địa phương.
- Suất miễn thu đối với ngành phục vụ và ngành ăn uống thấp hơn suất miễn thu đối với các ngành sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp 10%.

- Suất miễn thu đối với ngành thương nghiệp thấp hơn suất miễn thu đối với các ngành sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp 20%.

Căn cứ vào nguyên tắc tính suất miễn thu trên đây, Hội đồng Chính phủ quy định cụ thể và điều chỉnh suất miễn thu cho từng ngành và từng thời gian.

Điều 2

Xoá bỏ thuế lợi tức vượt mức và sửa lại các Điều 16, 22, 24 và 27 của Điều lệ thuế công thương nghiệp ban hành theo Nghị quyết số 200 NQ/TVQH ngày 18 tháng 1 năm 1966 và Nghị quyết số 488NQ/QHK4 ngày 26 tháng 9 năm 1974 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, như sau:

Điều 16 mới:

Thuế lợi tức doanh nghiệp đối với các hợp tác xã sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, vận tải, xây dựng và kinh doanh nông nghiệp, không thuộc diện nộp tiền, tính theo biểu thuế lũy tiến từng phần sau đây:

Bậc ³	Phần lợi tức chịu thuế bình quân xã viên quy ra cả năm	Thuế suất
1 ³	- Từ 100 đồng trở xuống	8%
2 ³	- Trên 100 đồng đến 200 đồng	11%
3 ³	- Trên 200 đồng đến 500 đồng	14%
4 ³	- Trên 500 đồng đến 1.000 đồng	18%
5 ³	- Trên 1.000 đồng đến 1.600 đồng	22%
6 ³	- Trên 1.600 đồng đến 2.200 đồng	26%

7 ³	- Trên 2.200 đồng đến 2.800 đồng	30%
8 ³	- Trên 2.800 đồng đến 3.500 đồng	35%
9 ³	- Trên 3.500 đồng	40%

Điều 22 mới:

Thuế lợi tức doanh nghiệp đối với các hộ riêng lẻ sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, vận tải, xây dựng và kinh doanh nông nghiệp không thuộc diện nộp thuế nông nghiệp, tính trên lợi tức chịu thuế của cả hộ theo biểu thuế quy định ở Điều 16 mới cộng thêm 5% hoặc 10% số thuế đã tính; đối với các ngành, nghề xét thấy không cần đưa vào tổ chức sản xuất tập thể thì không phải chịu mức thuế cộng thêm.

Hội đồng Chính phủ quy định cụ thể các tỷ lệ thuế phải cộng thêm cho từng ngành, nghề nói ở trên.

Điều 24 mới:

Thuế lợi tức doanh nghiệp đối với các hộ riêng lẻ kinh doanh ngành phục vụ, ngành ăn uống tính theo biểu thuế lũy tiến từng phần sau đây:

Bậc	Phần lợi tức chịu thuế quy ra cả năm của cả hộ	Thuế suất
1	- Từ 100 đồng trở xuống	10%
2	- Trên 100 đồng đến 200 đồng	13%
3	- Trên 200 đồng đến 500 đồng	16%